

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ
HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	13 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ công ty Nhà nước là Công ty TNHH MTV Giám định Cà phê và Hàng hóa nông sản Xuất nhập khẩu (được chuyển từ Công ty Giám định Cà phê và Hàng hóa nông sản Xuất nhập khẩu) theo Quyết định số 2956/QĐ-BNN-DMDN ngày 29 tháng 6 năm 2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301240291, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ nhất ngày 30 tháng 11 năm 2012 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Nam Hải sang Ông Lê Anh Tuấn.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ hai ngày 31 tháng 10 năm 2013 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Lê Anh Tuấn sang Ông Nguyễn Văn Hải và bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ ba ngày 11 tháng 4 năm 2016 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ tư ngày 19 tháng 6 năm 2017 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Nguyễn Văn Hải sang Ông Nguyễn Nam Hải.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84-28) 38 207 552
- Fax : (84-28) 38 207 549

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Đắk Lắk	75/38, Nguyễn Lương Bằng, Hòa Thắng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Gia Lai	319A Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Hà Nội	44 Ngõ 120 Trường Chinh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Lâm Đồng	247 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ giám định, chất lượng, số lượng, trọng lượng, cấp chứng thư giám định và dịch vụ khử trùng cà phê và hàng hóa nông sản xuất khẩu;
- Dịch vụ thông tin tư vấn chuyên giao công nghệ, kiểm phẩm chất lượng cà phê và nông sản xuất khẩu;
- Dịch vụ: giám định hàng hóa xuất nhập khẩu, giới thiệu sản phẩm cà phê và hàng hóa xuất nhập khẩu, kho hàng phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Cung cấp dịch vụ chứng nhận sản phẩm: chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; hệ thống quản lý môi trường, chứng nhận sản phẩm, hệ thống phân tích mối nguy hại và kiểm soát các điểm tới hạn (hệ thống HACCP);



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Tư vấn, đánh giá dự án đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ diệt côn trùng (ruồi, muỗi, kiến, dán, mối, mọt), diệt chuột khu dân cư, khu công nghiệp;
- Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho hoạt động kinh doanh của công ty (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh Công ty;
- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán lẻ cà phê (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn TP.Hồ Chí Minh);
- Rang và lọc cà phê;
- Sản xuất các sản phẩm cà phê như: Cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê cô đặc (trừ sản xuất, chế biến thực phẩm tươi sống);
- Bán buôn cà phê;
- Quán cà phê;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Thứ Triệu	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Nam Hải	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Văn Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Hoàng Nguyên Bình	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thế Quốc Uy	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đức Hậu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Bà Lê Thị Thùy Dung	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018
Ông Lê Ngọc Tú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2018

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Nam Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2014
Ông Phan Xuân Long	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2016

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Nam Hải - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2017).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

449815
 NG TY
 HIỆM HỮU
 AN VÀ TU
 & C
 T. PHỐ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Nam Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 11 tháng 3 năm 2019



C. T. T. N. H. H.
H. A. N.
V. A. N.
H. T. H. M. I. N. H.

Số: 1.0359/19/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 02 năm 2019, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C
Nguyễn Chí Dũng - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0100-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2019


Hồ Thị Kim Phi - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3136-2015-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.373.592.128	20.253.080.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	12.972.941.486	9.433.480.966
1. Tiền	111		4.221.212.186	4.253.049.154
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.751.729.300	5.180.431.812
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.854.377.721	9.895.190.798
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	10.805.533.773	11.073.334.036
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	312.467.770	2.112.666.926
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	877.948.596	850.762.254
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(4.141.572.418)	(4.141.572.418)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.278.313.235	467.518.306
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.278.313.235	467.518.306
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		267.959.686	456.890.206
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	267.959.686	456.890.206
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.607.245.566	18.400.529.644
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.361.387.786	8.128.357.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	5.082.243.786	2.849.213.344
- Nguyên giá	222		8.404.805.302	5.509.060.102
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.322.561.516)	(2.659.846.758)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	5.279.144.000	5.279.144.000
- Nguyên giá	228		5.279.144.000	5.279.144.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		10.245.857.780	10.272.172.300
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	9.980.000.000	9.980.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	546.910.000	546.910.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.10	(281.052.220)	(254.737.700)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		43.980.837.694	38.653.609.920

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		15.444.977.937	12.110.535.990
I. Nợ ngắn hạn	310		15.444.977.937	12.110.535.990
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	173.432.779	5.384.528
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	176.676.019	134.676.931
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.597.722.238	1.948.712.973
4. Phải trả người lao động	314	V.14	8.470.929.666	8.440.848.291
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	4.498.042.340	696.095.017
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	528.174.895	884.818.250
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

315-C
TY
HỮU HẠ
TƯ VÀ
C
HỒ CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

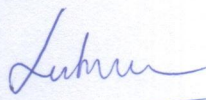
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28.535.859.757	26.543.073.930
I. Vốn chủ sở hữu	410		28.535.859.757	26.543.073.930
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.17	17.000.000.000	17.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.000.000.000	17.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.17	1.013.181.818	1.013.181.818
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.17	3.564.842.957	3.308.973.134
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.17	6.957.834.982	5.220.918.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		-	5.220.918.978
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		6.957.834.982	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		43.980.837.694	38.653.609.920

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2019



Lu Thị Yến Tâm
Người lập




La Thanh Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Nam Hải
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

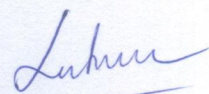
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	59.684.345.498	50.808.292.746
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.684.345.498	50.808.292.746
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	4.134.120.270	4.032.452.668
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.550.225.228	46.775.840.078
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	381.769.236	141.668.151
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	42.110.265	97.288.621
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.717.080.000	784.280.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	44.451.494.402	40.672.945.286
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.721.309.797	5.362.994.322
11. Thu nhập khác	31	VI.7	401.935.999	1.033.643.743
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		401.935.999	1.033.643.743
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.123.245.796	6.396.638.065
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	1.824.546.359	1.279.241.613
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.298.699.437	5.117.396.452
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	3.821	2.679
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	3.821	2.679

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2019



Lu Thị Yến Tâm
Người lập




La Thanh Phương Thảo
Kế toán trưởng



Nguyễn Nam Hải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9.123.245.796	6.396.638.065
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	662.714.758	392.430.484
- Các khoản dự phòng	03	V.10	26.314.520	97.288.621
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	15.795.745	(19.474.718)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(374.454.036)	(122.193.433)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.453.616.783	6.744.689.019
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		193.613.921	(2.204.969.766)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.810.794.929)	1.011.168.290
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.755.250.202	(770.579.180)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		188.930.520	42.348.405
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(2.140.994.584)	(1.011.051.158)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.375.556.965)	(1.535.454.247)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.264.064.948	2.276.151.363
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.3, 8, 11	(886.846.044)	(1.885.099.156)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		374.454.036	122.193.433
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(512.392.008)	(1.762.905.723)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, 17	(4.196.416.675)	(1.425.913.225)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(4.196.416.675)</i>	<i>(1.425.913.225)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		3.555.256.265	(912.667.585)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.433.480.966	10.326.673.833
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(15.795.745)	19.474.718
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	12.972.941.486	9.433.480.966

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2019

Lu Thị Yến Tâm
Người lập

La Thanh Phương Thảo
Kế toán trưởng

Nguyễn Nam Hải
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là cung cấp các dịch vụ: Giám định chất lượng, số lượng, trọng lượng, cấp chứng thư giám định và dịch vụ khử trùng cà phê và hàng hóa nông sản xuất khẩu, kho hàng phục vụ hàng hóa xuất nhập khẩu; chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng, hệ thống quản lý môi trường, chứng nhận sản phẩm.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam có trụ sở chính đặt tại lầu 1, số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là rang xay cà phê và kinh doanh thương mại. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 99,8%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Đắk Lắk	75/38, Nguyễn Lương Bằng, Hòa Thắng, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Gia Lai	319A Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Hà Nội	44 Ngõ 120 Trường Chinh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Giám định Cà phê và Hàng hóa Xuất nhập khẩu tại Lâm Đồng	247 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 206 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 201 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm và được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ. Chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng. Các chi phí trả trước khác được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40
Máy móc và thiết bị	03 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 09

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	378.578.760	601.918.315
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.842.633.426	3.651.130.839
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.751.729.300	5.180.431.812
Cộng	12.972.941.486	9.433.480.966

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn Intimex	2.294.303.842	1.118.143.119
Các khách hàng khác	8.511.229.931	9.955.190.917
Cộng	10.805.533.773	11.073.334.036



CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Tư vấn Thương mại và Dịch vụ Khoa học Kỹ thuật T.R.A.N.S.M.E.D ⁽ⁱ⁾	-	1.293.600.000
Công ty TNHH Gia Nông ⁽ⁱ⁾	-	393.833.616
Công ty TNHH Hoa Ý ⁽ⁱ⁾	-	159.765.540
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tân Sanh	72.346.770	72.346.770
Viện Năng suất Việt Nam	89.550.000	89.550.000
Công ty TNHH Chuyển giao Tri thức Chí Tân	56.000.000	56.000.000
Văn phòng công nhận chất lượng	47.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	47.571.000	47.571.000
Cộng	312.467.770	2.112.666.926

⁽ⁱ⁾ Khoản trả trước cho người bán liên quan mua sắm tài sản cố định.

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>153.896.325</i>	-	<i>484.595.793</i>	-
Thành viên ban điều hành – tạm ứng	153.896.325	-	193.095.793	-
Thành viên hội đồng quản trị - tạm ứng thù lao	-	-	291.500.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>724.052.271</i>	-	<i>366.166.461</i>	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	32.400.000	-	18.400.000	-
Tạm ứng	625.592.528	-	208.238.550	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	66.059.743	-	139.527.911	-
Cộng	877.948.596	-	850.762.254	-

5. Nợ quá hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các khách hàng ở khu vực miền Nam	Trên 3 năm	1.534.846.000	-	Trên 3 năm	1.534.846.000	-
Các khách hàng ở khu vực Tây Nguyên	Trên 3 năm	718.937.000	-	Trên 3 năm	718.937.000	-
Các khách hàng ở khu vực miền Bắc	Trên 3 năm	583.270.000	-	Trên 3 năm	583.270.000	-
Các khách hàng ở khu vực Miền Trung	Trên 3 năm	462.681.000	-	Trên 3 năm	462.681.000	-
Khách hàng ở các khu vực khác	Trên 3 năm	958.757.892	116.919.474	Trên 3 năm	925.969.415	84.130.997
Cộng		4.258.491.892	116.919.474		4.225.703.415	84.130.997

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.278.313.235	-	458.838.306	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	8.680.000	-
Cộng	2.278.313.235	-	467.518.306	-

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	171.959.686	338.085.599
Chi phí sửa chữa văn phòng	-	118.804.607
Chi phí thuê văn phòng	96.000.000	-
Cộng	267.959.686	456.890.206

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.542.088.499	1.074.413.148	1.892.558.455	5.509.060.102
Mua trong năm	-	2.895.745.200	-	2.895.745.200
Số cuối năm	2.542.088.499	3.970.158.348	1.892.558.455	8.404.805.302
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	217.790.711	265.915.448	615.013.000	1.098.719.159
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	988.136.609	581.146.893	1.090.563.256	2.659.846.758
Khấu hao trong năm	88.604.184	403.402.246	170.708.328	662.714.758
Số cuối năm	1.076.740.793	984.549.139	1.261.271.584	3.322.561.516
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.553.951.890	493.266.255	801.995.199	2.849.213.344
Số cuối năm	1.465.347.706	2.985.609.209	631.286.871	5.082.243.786
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn. Chi tiết như sau:

	<u>Nguyên giá</u>
• Quyền sử dụng đất tại số 228A đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	4.455.144.000
• Quyền sử dụng đất tại số 319A đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hội Phú, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai	449.000.000
• Quyền sử dụng đất tại Khu dân cư trại gà tỉnh Đắk Lắk	375.000.000
Cộng	<u>5.279.144.000</u>

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<i>Đầu tư vào công ty con</i>						
Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam ⁽ⁱ⁾	9.980.000.000	-		9.980.000.000	-	
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>546.910.000</i>	<i>(281.052.220)</i>		<i>546.910.000</i>	<i>(254.737.700)</i>	
Công ty Cổ phần XNK Petrolimex ⁽ⁱⁱ⁾	389.160.000	(277.772.220)	111.387.780	389.160.000	(250.742.700)	138.417.300
Công ty Cổ phần Cà phê Petec ⁽ⁱⁱⁱ⁾	148.000.000	(2.000.000)	146.000.000	148.000.000	(2.000.000)	146.000.000
Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam ^(iv)	6.350.000	(1.280.000)	5.070.000	6.350.000	(1.995.000)	4.355.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol ^(v)	3.400.000	-	4.520.000	3.400.000	-	3.962.000
Cộng	<u>10.526.910.000</u>	<u>(281.052.220)</u>		<u>10.526.910.000</u>	<u>(254.737.700)</u>	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313892492 ngày 06 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam 9.980.000.000 VND, tương đương 99,8% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

(ii) Khoản đầu tư vào 21.798 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần XNK Petrolimex. Công ty cổ phần XNK Petrolimex hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xăng dầu.

(iii) Khoản đầu tư vào 14.600 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cà phê Petec. Công ty Cổ phần Cà phê Petec hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng cà phê.

(iv) Khoản đầu tư vào 130 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam. Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực phân phối thuốc trừ sâu nhập khẩu.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (v) Khoản đầu tư vào 100 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol. Công ty Cổ phần Tập đoàn Vinacontrol hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực giám định dây chuyền sản xuất.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam hiện đã đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	254.737.700	157.449.079
Trích lập dự phòng bổ sung	26.314.520	97.288.621
Số cuối năm	281.052.220	254.737.700

Giao dịch với công ty con

Trong năm, Công ty chỉ phát sinh giao dịch cho Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam mượn tiền với số tiền là 10.000.000.000 VND (năm trước không có giao dịch phát sinh).

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Dương Thành DTC ⁽ⁱ⁾	161.700.000	-
Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	5.853.982	4.427.528
Các nhà cung cấp khác	5.878.797	957.000
Cộng	173.432.779	5.384.528

- (i) Khoản phải trả người bán liên quan đến mua sắm tài sản cố định.

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
DNTN Đức Vinh	68.430.600	68.430.600
Bà Lê Thị Hồng Yến	60.672.000	60.672.000
Các khách hàng khác	47.573.419	5.574.331
Cộng	176.676.019	134.676.931

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	600.402.925	4.549.448.117	(4.717.408.761)	432.442.281
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	218.937.275	(218.937.275)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	807.060.313	1.824.546.359	(2.140.994.584)	490.612.088
Thuế thu nhập cá nhân	541.249.735	1.045.394.632	(911.976.498)	674.667.869
Thuế bảo vệ môi trường	-	30.000.000	(30.000.000)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	1.948.712.973	7.673.326.383	(8.024.317.118)	1.597.722.238

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Dịch vụ giám định	10%
Đánh giá dự án	5%
Dịch vụ quản lý và cho thuê kho ngoại quan	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	9.123.245.796	6.396.638.065
Các khoản điều chỉnh tăng nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	9.123.245.796	6.396.638.065
Thu nhập được miễn thuế	(514.000)	(430.000)
Thu nhập tính thuế	9.122.731.796	6.396.208.065
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.824.546.359	1.279.241.613

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Phải trả người lao động

Tiền lương phải trả người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.237.000.000</i>	-
Thành viên Hội đồng quản trị - thù lao phải trả	37.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam - tiền mượn phải trả	3.200.000.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.261.042.340</i>	<i>696.095.017</i>
Kinh phí công đoàn	80.320.747	142.873.518
Bảo hiểm xã hội	45.480.261	45.133.028
Cổ tức phải trả	114.967.575	61.384.250
Hoa hồng khách hàng phải trả	600.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	420.273.757	446.704.221
Cộng	<u>4.498.042.340</u>	<u>696.095.017</u>

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	884.818.250	511.739.645	(868.383.000)	528.174.895
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	51.173.965	(51.173.965)	-
Cộng	<u>884.818.250</u>	<u>562.913.610</u>	<u>(919.556.965)</u>	<u>528.174.895</u>

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần XNK Intimex	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắc Lắc	200.000.000	200.000.000
Cổ phiếu công đoàn	152.450.000	510.000.000
Ông Lê Anh Tuấn	597.200.000	568.380.000
Ông Nguyễn Nam Hải	1.166.430.000	1.122.860.000
Ông Lê Văn Minh	-	4.401.670.000
Ông Phạm Thứ Triệu	8.670.000.000	3.768.330.000
Cá cổ đông khác	6.013.920.000	6.228.760.000
Cộng	<u>17.000.000.000</u>	<u>17.000.000.000</u>

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.700.000	1.700.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.700.000	1.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.700.000	1.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.700.000	1.700.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.700.000	1.700.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2018 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 4.250.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 255.869.823
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 511.739.645
• Trích quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 51.173.965

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	24.373,64	35.035,27
Euro (EUR)	11.032,25	1.367,03

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

Doanh thu của dịch vụ đã cung cấp.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	373.940.036	121.763.433
Cổ tức được chia	514.000	430.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.315.200	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	19.474.718
Cộng	381.769.236	141.668.151

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	15.795.745	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	26.314.520	97.288.621
Cộng	<u>42.110.265</u>	<u>97.288.621</u>

5. Chi phí bán hàng

Chi phí hoa hồng môi giới.

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	30.202.430.567	28.777.752.283
Chi phí vật liệu quản lý	244.564.545	159.361.819
Chi phí đồ dùng văn phòng	346.517.471	363.513.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.714.758	392.430.484
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.822.419.155	3.629.094.795
Các chi phí khác	9.167.847.906	7.346.792.276
Cộng	<u>44.451.494.402</u>	<u>40.672.945.286</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thanh lý hàng mẫu kiểm định	398.935.999	852.190.726
Thu nhập khác	3.000.000	181.453.017
Cộng	<u>401.935.999</u>	<u>1.033.643.743</u>

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.298.699.437	5.117.396.452
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(729.869.944)	(511.739.645)
Trích thưởng Ban điều hành và Ban kiểm soát	(72.986.994)	(51.173.965)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	6.495.842.499	4.554.482.842
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	1.700.000	1.700.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	<u>3.821</u>	<u>2.679</u>

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.725.202.286	4.191.814.487
Chi phí nhân công	30.202.430.567	28.777.752.283
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.714.758	392.430.484
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.822.419.155	3.629.094.795
Chi phí khác	11.889.927.906	8.498.585.905
Cộng	<u>51.302.694.672</u>	<u>45.489.677.954</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tạm ứng	204.286.910	207.112.768
Chia cổ tức	2.556.300.000	1.368.913.500

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	827.364.025	609.971.211
Thù lao	751.000.000	972.000.000
Cộng	<u>1.578.364.025</u>	<u>1.581.971.211</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁM ĐỊNH CÀ PHÊ VÀ HÀNG HÓA XUẤT NHẬP KHẨU

Địa chỉ: Số 228A, Đường Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Thương mại và Rang xay Cà phê Việt Nam là công ty con.

Giao dịch với bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.10.

Công nợ với bên liên quan khác

Công nợ với bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.15.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ kiểm định hàng hóa và trong một khu vực địa lý là nước Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số đầu năm của một số khoản mục trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ đã được trình bày lại như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.052.168.922)	1.847.199.156	(2.204.969.766)	(i)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	428.952.207	1.847.199.156	2.276.151.363	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(37.900.000)	(1.847.199.156)	(1.885.099.156)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	84.293.433	(1.847.199.156)	(1.762.905.723)	

(i) Trình bày lại dòng tiền chi trả trước mua sắm tài sản cố định.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lu Thị Yến Tâm
Người lập

La Thanh Phương Thảo
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Nam Hải
Tổng Giám đốc